

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD
SGDHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TP.HCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **69** /CVNĐS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng 7 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

Mã Chứng khoán: DSN

Địa chỉ trụ sở chính: 03 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3858 8418

Fax: 08 3858 8419

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Ngọc Nghĩa – Người được ủy quyền CBTT

Loại thông tin công bố: 24h 72h Bất thường theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên có soát xét 2016 (Đính kèm Bản Báo cáo tài chính bán niên có soát xét 2016).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/7/2016 tại đường dẫn <http://www.damsenwaterpark.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng kính chào

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website (để công bố);
- Lưu: VT, HĐQT cty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
3. Bảng cân đối kế toán	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Duy Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Ngọc Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Văn Quân	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/01/2016)
Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/01/2016)
Ông Đặng Ngọc Thiên Từ	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Ngọc Lệ	Thành Viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	Thành Viên Ban Kiểm soát

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Ngọc Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trường	Kế toán trưởng

3. Trụ sở hoạt động: Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Tp.HCM

4. Các hoạt động chính

Dịch vụ giải trí, vui chơi, thể thao dưới nước và các dịch vụ khác (ăn uống, cho thuê đồ tắm, bán hàng lưu niệm) ... Mua bán rượu, bia, thuốc lá nội.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được trình bày từ trang 04 đến trang 23.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



PHẠM DUY HƯNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

Số: 157/BCSX - DFK

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công viên Nước Đàm Sen (“Công ty”), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2016, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		194.392.329.795	190.311.863.679
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	44.226.159.567	135.793.191.968
1. Tiền	111		7.726.159.567	6.193.191.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.500.000.000	129.600.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	145.145.292.500	50.045.292.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.02a	31.950.050.000	31.950.050.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.02a	(22.904.757.500)	(22.904.757.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02b	136.100.000.000	41.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		3.452.239.288	2.808.056.197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	114.446.000	301.746.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		249.061.400	335.202.320
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	3.088.731.888	2.505.137.562
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	-	(334.030.285)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		785.911.184	979.377.695
1. Hàng tồn kho	141	V.06	785.911.184	979.377.695
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		782.727.256	685.945.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	782.727.256	685.945.319
B. Tài sản dài hạn	200		17.292.864.348	7.421.594.982
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		150.000.000	150.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	150.000.000	150.000.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		5.118.627.546	5.245.654.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	3.489.769.858	2.918.714.945
- Nguyên giá	222		83.166.309.541	81.804.945.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.676.539.683)	(78.886.230.366)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	1.628.857.688	2.326.939.556
- Nguyên giá	228		20.315.829.962	20.315.829.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.686.972.274)	(17.988.890.406)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.02	12.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02c	462.164.319	462.164.319
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.02c	(462.164.319)	(462.164.319)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02b	12.000.000.000	2.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		24.236.802	25.940.481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	24.236.802	25.940.481
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		211.685.194.143	197.733.458.661



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C. Nợ phải trả	300		20.774.911.887	8.911.642.761
I. Nợ ngắn hạn	310		20.673.911.887	8.810.642.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.743.690.311	2.827.151.774
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75.180.000	1.334.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	10.679.723.711	2.619.501.240
4. Phải trả người lao động	314		4.678.485.496	1.405.241.248
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	984.032.031	873.904.871
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.512.800.338	1.083.509.628
II. Nợ dài hạn	330		101.000.000	101.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	101.000.000	101.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.13	190.910.282.256	188.821.815.900
I. Vốn chủ sở hữu	410		190.910.282.256	188.821.815.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.830.090.000	84.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.830.090.000	84.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	150.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.450.000.000	22.599.079.747
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.630.192.256	81.572.136.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.252.915.190	11.080.064.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.377.277.066	70.492.071.403
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		211.685.194.143	197.733.458.661

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu

Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

11/01/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	112.261.235.864	102.712.177.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		112.261.235.864	102.712.177.950
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	37.014.911.989	34.116.225.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.246.323.875	68.595.952.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.375.333.379	3.540.773.827
7. Chi phí tài chính	22		-	2.955.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.955.556
8. Chi phí bán hàng	25	VI.04	6.951.756.728	6.099.671.852
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	7.211.281.931	7.268.490.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.458.618.595	58.765.607.812
11. Thu nhập khác	31		12.977.738	6.450.881
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		12.977.738	6.450.881
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.471.596.333	58.772.058.693
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	13.094.319.267	12.929.852.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.377.277.066	45.842.205.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	4.222	4.174
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	4.222	4.174

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Thị Châu Dân
 Người lập biểu

Nguyễn Quang Trường
 Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa

Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	122.879.808.900	112.650.957.950
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(29.061.545.298)	(26.653.180.518)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.673.252.563)	(13.115.168.686)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(2.955.556)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.673.778.035)	(7.089.343.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.201.904.568	31.110.158.994
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.631.653.042)	(53.442.046.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.041.484.530	43.458.422.389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(823.604.009)	(238.063.602)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(176.600.000.000)	(36.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	71.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.826.759.768	4.231.804.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(102.096.844.241)	(32.506.259.228)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	14.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(14.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.511.672.690)	(37.650.272.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.511.672.690)	(37.650.272.355)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(91.567.032.401)	(26.698.109.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	135.793.191.968	152.968.717.845
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	44.226.159.567	126.270.608.651

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

all

Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu

Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen (gọi tắt là "Công ty") chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001384 ngày 03/01/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 13/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSN kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2010 theo Quyết định số 208/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 120.830.090.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dam Sen Water Park Corporation.

Trụ sở chính đặt tại: 03 Đường Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Dịch vụ ăn uống khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Điều hành tua du lịch; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Bán buôn đồ uống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất sản phẩm chịu lửa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2016: 204 người.

6. Danh sách công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng APMC	28 Trần Ngọc Diện, phường Thảo Điền, quận 2, TP.HCM	Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ	60,00%	60,00%

Tại ngày 30/6/2016, Công ty chưa thực tế góp vốn vào công ty trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
TSCĐ khác	04 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ khác

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty (tổng quỹ lương là 16% doanh thu thuần + phụ cấp 200 triệu đồng/tháng). Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng với tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí thuê mặt bằng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

15. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	975.935.856	1.098.124.670
Tiền gửi ngân hàng	6.750.223.711	5.095.067.298
Các khoản tương đương tiền	(*) 36.500.000.000	129.600.000.000
Cộng	44.226.159.567	135.793.191.968

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng, với lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán a) kinh doanh	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- VAB (*)	31.950.050.000	9.045.292.500	(22.904.757.500)	31.950.050.000	9.045.292.500	(22.904.757.500)
(*) Bao gồm:		Số lượng tồn	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư		Trị giá dự phòng
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á		2.120.819	15.065	31.950.050.000		(22.904.757.500)

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ phiếu thưởng được chia năm 2015 với số lượng là 110.754 cổ phiếu từ khoản đầu tư này.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (lãi suất 5,4% - 7%/năm)	136.100.000.000	136.100.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (lãi suất 7,4%/năm)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*): Mua 200.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/trái phiếu) của Công ty CP Khải Hoàn Môn với lãi suất 10%/năm, kỳ hạn 5 năm (đáo hạn ngày 15/8/2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư góp vốn c) vào đơn vị khác	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	462.164.319	-	(462.164.319)	462.164.319	-	(462.164.319)
Cộng	462.164.319	-	(462.164.319)	462.164.319	-	(462.164.319)

(*) Bao gồm:

Đầu tư mua cổ phần	Số lượng	Mệnh giá	Đơn giá bình quân	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
Công ty CP Khải Hoàn Môn	343.030	10.000	1.347	15,00%	462.164.319	(462.164.319)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/6/2016	01/01/2016
- Công ty TNHH NGK Sun Tory Pepsico Việt Nam	-	177.777.600
- Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	37.051.500	52.830.000
- Nhà nghỉ Khách sạn Công đoàn Thanh Đa	45.077.000	-
- Các khoản phải thu từ khách hàng khác	32.317.500	71.139.000
Cộng	114.446.000	301.746.600

4. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	1.603.813.888	-	1.155.240.277	-
- Lãi trái phiếu phải thu	100.000.000	-	-	-
- Khoản công nợ chờ thi hành án và thu hồi lại từ Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch	-	-	285.714.285	285.714.285
- Khoản phải thu Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ liên quan đến việc liên doanh ở Công viên Hùng Long	441.800.000	-	128.040.000	-
- Các khoản tạm ứng	943.118.000	-	936.143.000	-
Cộng	3.088.731.888	-	2.505.137.562	285.714.285
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng	150.000.000	-	150.000.000	-
Cộng	150.000.000	-	150.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nợ xấu	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	-	-	Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch	285.714.285	-	Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	-	-	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thái Bình Dương	48.316.000	-	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thái Bình Dương
Cộng	-	-		334.030.285	-	

Chi tiết dự phòng phải thu:

Số dư đầu năm	(334.030.285)
Tăng (do trích lập dự phòng)	-
Giảm (do xóa nợ)	334.030.285
Số dư cuối kỳ	-

6. Hàng tồn kho	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu, vật tư, hóa chất	365.622.483	-	449.479.252	-
- Công cụ dụng cụ	95.364	-	-	-
- Hàng hóa	420.193.337	-	529.898.443	-
Cộng	785.911.184	-	979.377.695	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	38.473.792.458	35.557.919.461	6.619.740.113	662.259.864	491.233.415	81.804.945.311
Tăng trong kỳ	609.997.439	660.046.791	-	-	91.320.000	1.361.364.230
Số dư cuối kỳ	39.083.789.897	36.217.966.252	6.619.740.113	662.259.864	582.553.415	83.166.309.541
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	37.432.120.605	34.799.598.420	5.627.063.783	662.259.864	365.187.694	78.886.230.366
Khấu hao trong kỳ	337.488.471	184.850.371	222.115.822	-	45.854.653	790.309.317
Số dư cuối kỳ	37.769.609.076	34.984.448.791	5.849.179.605	662.259.864	411.042.347	79.676.539.683
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.041.671.853	758.321.041	992.676.330	-	126.045.721	2.918.714.945
Tại ngày cuối kỳ	1.314.180.821	1.233.517.461	770.560.508	-	171.511.068	3.489.769.858

Tài sản cố định tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng hoàn thành.

Tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng có nguyên giá 75.005.667.108 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Nguyên giá	20.315.829.962	-	-	20.315.829.962
Giá trị hao mòn lũy kế	17.988.890.406	698.081.868	-	18.686.972.274
Giá trị còn lại	2.326.939.556			1.628.857.688

Quyền sử dụng đất tại số 03 đường Hoà Bình, phường 3, quận 11, Tp.HCM thuộc tờ khai bản đồ số 02 với diện tích 19.300 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2817/UB ngày 13/11/2003 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thời gian sử dụng đất đến ngày 02/7/2018.

9. Chi phí trả trước	30/6/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	566.048.812	601.082.922
- Chi phí đồng phục nhân viên chờ phân bổ	143.419.549	-
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa,...)	73.258.894	84.862.397
Cộng	782.727.256	685.945.319
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24.236.802	25.940.481
Cộng	24.236.802	25.940.481

10. Phải trả người bán	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM DV XK Vj San	698.868.475	698.868.475	528.531.943	528.531.943
- Công ty TNHH Thực phẩm Nguyên Hà	300.695.850	300.695.850	175.994.918	175.994.918
- Công ty CP DV DL Phú Thọ	-	-	584.320.000	584.320.000
- Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.744.125.986	1.744.125.986	1.538.304.913	1.538.304.913
Cộng	2.743.690.311	2.743.690.311	2.827.151.774	2.827.151.774

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2016	30/6/2016	01/01/2016	30/6/2016
- Thuế GTGT	622.248.518	9.318.236.746	7.708.292.365	2.232.192.899
- Thuế TNDN	1.940.949.824	13.094.319.267	6.673.778.035	8.361.491.056
- Thuế TNCN	54.040.498	1.856.249.271	1.827.628.013	82.661.756
- Thuế tài nguyên	2.262.400	17.699.200	16.583.600	3.378.000
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.619.501.240	24.289.504.484	16.229.282.013	10.679.723.711

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả khác	30/6/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông	930.075.950	640.216.798
- Khoản phải trả tiền thuế TNCN do khấu trừ dư của nhân viên	53.956.081	233.688.073
Cộng	984.032.031	873.904.871
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ dài hạn cho thuê mặt bằng	101.000.000	101.000.000

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	84.500.000.000	-	-	84.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.600.000	-	-	150.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	19.185.170.259	3.413.909.488	-	22.599.079.747
LNST chưa phân phối	62.358.974.238	70.492.071.403	51.278.909.488	81.572.136.153
Cộng	166.194.744.497	73.905.980.891	51.278.909.488	188.821.815.900

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	84.500.000.000	36.330.090.000	-	120.830.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.600.000	-	150.600.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	22.599.079.747	-	14.149.079.747	8.450.000.000
LNST chưa phân phối	81.572.136.153	52.377.277.066	72.319.220.963	61.630.192.256
Cộng	188.821.815.900	88.707.367.066	86.618.900.710	190.910.282.256

(*) **Vốn góp của chủ sở hữu** tăng lên trong kỳ do:

- Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu (25% vốn điều lệ)	21.123.080.000
- Trả cổ phiếu thưởng bổ sung vốn điều lệ (18% vốn điều lệ) từ nguồn:	15.207.010.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	150.600.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	14.149.079.747
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	907.330.253
Cộng	36.330.090.000

b) Cổ phiếu	30/6/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.083.009	8.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.083.009	8.450.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.083.009	8.450.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.083.009	8.450.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.083.009	8.450.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong kỳ:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	10.573.810.710
- Trả cổ tức lần 1 và 2 năm 2015 bằng tiền (47% vốn điều lệ)	39.715.000.000
- Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu (25% vốn điều lệ)	21.123.080.000
- Trả cổ phiếu thưởng bổ sung vốn điều lệ	907.330.253
Cộng	72.319.220.963

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/6/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý	<u>334.030.285</u>	<u>-</u>

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Thời kỳ trước)
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	84.140.149.063	78.356.475.459
- Doanh thu từ bán hàng hoá	27.744.231.709	23.680.517.490
- Doanh thu khác	376.855.092	675.185.001
Cộng	112.261.235.864	102.712.177.950
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.064.073.234	21.902.666.136
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	13.950.838.755	12.213.559.556
Cộng	37.014.911.989	34.116.225.692
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.275.333.379	3.440.773.827
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	100.000.000	100.000.000
Cộng	4.375.333.379	3.540.773.827
4. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	1.566.902.766	1.469.058.447
- Chi phí vật liệu bao bì	808.060.436	603.385.694
- Chi phí thuê mặt bằng	340.736.000	319.440.000
- Chi phí thuê đất	480.000.000	420.000.000
- Chi phí quảng cáo	2.287.449.092	1.994.751.338
- Chi phí khác	1.468.608.434	1.293.036.373
Cộng	6.951.756.728	6.099.671.852

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.711.864.280	4.363.845.641
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	873.044.701	689.694.720
- Chi phí khấu hao TSCĐ	137.349.714	167.981.415
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí ủng hộ, tài trợ, quà tặng....	650.143.564	586.138.845
- Chi phí khác	835.879.672	1.457.830.244
Cộng	7.211.281.931	7.268.490.865
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.471.596.333	58.772.058.693
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính	65.471.596.333	58.772.058.693
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.094.319.267	12.929.852.912
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	12.313.316.570	13.339.259.047
- Chi phí nhân công	20.675.594.441	19.477.356.263
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.488.391.185	1.831.566.495
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	13.382.021.130	10.047.954.031
Cộng	47.859.323.326	44.696.135.836
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.377.277.066	45.842.205.781
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	7.856.591.560	10.573.810.710
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.520.685.506	35.268.395.071
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.545.967	8.450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.222	4.174

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi thời kỳ này được ước tính bằng 15% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong kỳ. Mức trích lập cụ thể tùy thuộc vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thời kỳ trước thay đổi do ghi nhận số thực trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	44.520.685.506	35.268.395.071
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	44.520.685.506	35.268.395.071
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.545.967	8.450.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	10.545.967	8.450.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.222	4.174

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 2 ngày 09/6/2014 của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng ACMC (vốn điều lệ là 10 tỷ đồng), Công ty đang triển khai kế hoạch góp vốn vào công ty này với tỷ lệ góp vốn là 60% vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Nhà đầu tư	Chia doanh thu bán vé	482.461.091
		Công viên Khủng Long Cung cấp dịch vụ	201.941.364
Công ty CP Khải Hoàn Môn	Đầu tư dài hạn	Thu nhập lãi trái phiếu	100.000.000
		Cho thuê mặt bằng	82.181.818
Ban Điều hành		Thu nhập	2.602.247.502

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Nhà đầu tư	Phải thu khách hàng	37.051.500
		Phải thu hợp tác kinh doanh	441.800.000
Công ty CP Khải Hoàn Môn	Đầu tư dài hạn	Phải thu khác	100.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty không chịu bất kỳ một khoản rủi ro tiền tệ liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	30/6/2016	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	182.600.000.000	3.652.000.000
- Trái phiếu	2.000.000.000	40.000.000
Cộng	184.600.000.000	3.692.000.000
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	-	-
Cộng	-	-
Chênh lệch		3.692.000.000

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là 3.692.000.000 đồng.

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2016	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Phải trả người bán	2.743.690.311	-	2.743.690.311
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.679.723.711	-	10.679.723.711
- Phải trả người lao động	4.678.485.496	-	4.678.485.496
- Các khoản phải trả khác	984.032.031	101.000.000	1.085.032.031
Cộng	19.085.931.549	101.000.000	19.186.931.549

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn khi cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tính đến thời điểm 30/6/2016, Công ty không tồn tại một số dư nợ vay nào từ phía các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các pháp nhân hay cá nhân nào, nên Công ty không phải cầm cố, thế chấp bằng bất kỳ một tài sản nào của Công ty.

Công ty cũng không nắm giữ một loại tài sản nào của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 bởi Công ty không tồn tại số dư một khoản cho vay nào.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Đầu tư ngắn hạn	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	31.950.050.000	-	(22.904.757.500)	9.045.292.500	(22.904.757.500)
Tiền gửi có kỳ hạn	172.600.000.000	-	-	172.600.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	462.164.319	-	(462.164.319)	-	(462.164.319)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	-
Cộng	217.012.214.319	-	(23.366.921.819)	193.645.292.500	(23.366.921.819)

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 3.602.239.288 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Công ty không có tài sản tài chính quá hạn hoặc suy giảm giá trị tại ngày 30/6/2016.

Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu

Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

